

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2019

“V/v Tranh chấp ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Ông Vũ Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, **Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 12/4/2019** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992.

Trú tại: Buôn EN, xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993

Trú tại: Buôn EN, xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ, đăng ký kết hôn tại UBND xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/9/2015.

Quá trình chung sống, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn kinh tế, không biết lo cho vợ con, gia đình, ngoài ra còn có hành vi đánh chị H. Chị H và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ

chồng anh chị xảy ra đã lâu và rất trầm trọng, không thể khắc phục được. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay. Nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị H và anh T không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, Anh T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 51; 68; 96; 97; 98; 195; 196; 203; 220; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 18/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang

trú tại: Buôn EN, xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên hòa giải bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã EN, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/9/2015, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn kinh tế, không biết lo cho vợ con, gia đình, Anh T còn có hành vi đánh chị H dẫn đến mâu thuẫn không thể hòa giải.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Vợ chồng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được. Vợ chồng chị H và anh T cũng không báo chính quyền địa phương để hòa giải. Chị H và anh T đã ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 08/2018 cho đến nay, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 18/8/2017. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, cháu K chưa đủ 03 tuổi nên cần giao cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Lê Thị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147;

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Phúc An K, sinh ngày 18/8/2017 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Chị Lê Thị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tại biên lai số 0009280 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã EN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn